

NỘI DUNG KIỂM TRA CUỐI KỲ I
NĂM HỌC: 2024 – 2025
MÔN TOÁN – LỚP 12
Thời gian làm bài: 90 phút

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. (12 câu x 0.25đ = 3.0 điểm)

CÂU	NỘI DUNG	MỨC ĐỘ			
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao
1	Cho bảng biến thiên hoặc đồ thị: Hỏi về đơn điệu hoặc cực trị.	x			
2	Tìm giá trị lớn nhất hoặc nhỏ nhất của hàm số trên $[a;b]$.		x		
3	Cho hàm nhất biến: Xác định pt(TCĐ) hoặc pt(TCN).	x			
4	Cho hàm hữu tỷ 2/1: Xác định pt(TCX).		x		
5	Tìm hàm số có đồ thị cho trước (hàm bậc 3).	x			
6	Tìm hàm số có đồ thị cho trước (hàm 1/1 hoặc 2/1).		x		
7	Tìm khoảng biến thiên hoặc nhóm chứa tứ phân vị.	x			
8	Tìm khoảng tứ phân vị hoặc phương sai hoặc độ lệch chuẩn.		x		
9	Hệ thức vector: Quy tắc 3 điểm, quy tắc HBH, quy tắc hình hộp.	x			
10	Tích vô hướng của hai vector hoặc góc giữa hai vector.			x	
11	Tọa độ điểm, tọa độ vector, trung điểm, trọng tâm.	x			
12	Tích vô hướng và các hệ quả.		x		

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. (4 câu x 1đ = 4.0 điểm). Mỗi câu cho 2 ý NB, 2 ý thông hiểu.

Câu 1: Cho hàm số $y = f(x)$ (bậc 3, 1/1, 2/1). Hỏi về TXĐ, $f(x_0)$, đơn điệu, cực trị, max-min, tiệm cận.

Câu 2: Cho hình hộp chữ nhật hoặc hình lập phương. Hỏi về vector cùng phương, vector bằng nhau, vector đối nhau, đẳng thức vector, tích vô hướng của hai vector.

Câu 3: Trong không gian Oxyz: cho điểm, vector. Hỏi về tọa độ điểm, tọa độ vector, tích vô hướng và các hệ quả.

Câu 4: Thống kê: Khoảng biến thiên, cỡ mẫu, nhóm chứa tứ phân vị, tứ phân vị, phương sai, độ lệch chuẩn.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. (6 câu x 0.5đ = 3.0 điểm)

Câu 1: Đơn điệu hoặc cực trị. **TH**

Câu 2: Max-min hoặc tiệm cận. **TH**

Câu 3: Toán thực tế: Tọa độ trong không gian. **TH**

Câu 4: Toán thực tế: Bài toán về vận tốc, quãng đường. **TH**

Câu 5: Toán thực tế: Bài toán về sản xuất, kinh doanh. **TH**

Câu 6: Toán thực tế: Bài toán tối ưu về diện tích (Hình vuông, hình chữ nhật, hình thang), thể tích (Hình hộp chữ nhật, hình trụ). **VDT**

---HẾT---

NỘI DUNG KIỂM TRA CUỐI KỲ I
NĂM HỌC: 2024 – 2025
MÔN TOÁN – LỚP 11
Thời gian làm bài: 90 phút

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. (12 câu x 0.25đ = 3.0 điểm)

CÂU	NỘI DUNG	MỨC ĐỘ			
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao
1	Cho cấp số cộng (u_n) . Tính công sai d .	x			
2	Tìm công thức số hạng tổng quát của cấp số cộng (u_n) thỏa hệ.		x		
3	Cho cấp số nhân (u_n) . Tính giá trị của u_k .	x			
4	Cho cấp số nhân (u_n) thỏa hệ.... Tìm công bội q .		x		
5	Giới hạn dãy số dạng phân thức.	x			
6	Giá trị của tham số a trong giới hạn dãy số phân thức.			x	
7	Giới hạn $\lim_{x \rightarrow -\infty} f(x)$ (hàm phân thức, có $\sqrt{\quad}$)	x			
8	Giới hạn một bên $\lim_{x \rightarrow a^+} f(x), \lim_{x \rightarrow a^-} f(x)$ (hàm hữu tỷ $1/1, 1/2, 2/1, 2/2$)		x		
9	Toán thực tế : cấp số cộng hoặc cấp số nhân.			x	
10	Xét tính liên tục của hàm số tại một điểm		x		
11	Đường thẳng song song mặt phẳng		x		
12	Hai mặt phẳng song song (hình hộp)		x		

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. (4 câu x 1đ = 4.0 điểm). Mỗi câu cho 2 ý NB, 2 ý thông hiểu.

Câu 1: Cho cấp số cộng hoặc cấp số nhân. Hỏi về: u_1 ; d hoặc q ; số hạng thứ mấy; tổng S_n .

Câu 2: Toán thực tế về CẤP SỐ NHÂN

Câu 3: HÀM SỐ LIÊN TỤC. Cho hàm số: Tính $f(x_0), \lim_{x \rightarrow x_0^+} f(x), \lim_{x \rightarrow x_0^-} f(x)$, hàm số liên tục tại $x = a$.

Câu 4: Cho hình chóp. Hỏi về: Vị trí tương đối của hai đường thẳng; đường thẳng song song đường thẳng, đường thẳng song song mặt phẳng, mặt phẳng song song mặt phẳng.

PHẦN III. TỰ LUẬN. (3 câu x 1đ = 3.0 điểm)

Câu 1: Giới hạn hàm số dạng vô định $\frac{0}{0}$ (hàm phân thức). **(TH)**

Câu 2: Tìm m để hàm số liên tục tại một điểm. **(TH)**

Câu 3: Cho hình chóp

a) Chứng minh hai mặt phẳng song song. **(TH)**

b) Chứng minh đường thẳng song song mặt phẳng. **(VDT)**

---HẾT---

NỘI DUNG KIỂM TRA CUỐI KỲ I
NĂM HỌC: 2024 – 2025
MÔN TOÁN – LỚP 10
Thời gian làm bài: 90 phút

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. (12 câu x 0.25đ = 3.0 điểm)

CÂU	NỘI DUNG	MỨC ĐỘ			
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao
1	Tìm TXĐ của hàm số dạng phân thức, căn thức .	x			
2	Dấu của giá trị lượng giác từ 0^0 đến 180^0		x		
3	Cho tam giác biết hai cạnh và một góc xen giữa hoặc biết 3 cạnh. Tính diện tích tam giác.	x			
4	Cộng trừ vectơ (dùng quy tắc 3 điểm, quy tắc hình bình hành).		x		
5	Tìm điểm thuộc miền nghiệm bất phương trình $ax + by + c > 0$	x			
6	Dấu tam thức bậc hai.		x		
7	Nghiệm bất phương trình bậc hai .	x			
8	PT chứa căn dạng $\sqrt{A} = B$		x		
9	PT chứa căn dạng $\sqrt{A} = \sqrt{B}$	x			
10	Tích vô hướng.		x		
11	Tích 1 số với vectơ.	x			
12	Toán thực tế: Quy về phương trình $\sqrt{A} = \sqrt{B}$ hoặc $\sqrt{A} = B$			x	

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. (4 câu x 1đ = 4.0 điểm). Mỗi câu cho 2 ý NB, 2 ý thông hiểu.

Câu 1: Cho hàm số bậc hai. Hỏi về: Tọa độ đỉnh; Trục đối xứng; Giao điểm với trục tọa độ; Điểm thuộc đồ thị.

Câu 2: Dấu tam thức bậc hai. Hỏi về: Tìm giá trị; khoảng âm; khoảng dương;...

Câu 3: Tích vô hướng hai vectơ. Cho tam giác có 3 cạnh. Hỏi về: Tính tích vô hướng (2 câu); Góc; Độ dài.

Câu 4: Cho hàm số bậc hai có đồ thị cho trước. Hỏi về: Giá trị của hàm số tại một điểm; Giao với trục tọa độ; Tìm khoảng tăng giảm; Tìm miền nghiệm.

PHẦN III. TỰ LUẬN. (3 câu x 1đ = 3.0 điểm)

Câu 1: Giải phương trình $\sqrt{A} = \sqrt{B}$ hoặc $\sqrt{A} = B$. **(NB)**

Câu 2: Toán thực tế về parabol. **(TH)**

Câu 3: Toán thực tế về hệ thức lượng trong tam giác. **(TH)**

---HẾT---

CHÚC CÁC EM ÔN TẬP HIỆU QUẢ VÀ ĐẠT KẾT QUẢ TỐT NHẤT CÓ THỂ NHÉ!